TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Thanh
2. Ông Cao Văn Chuộng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Bích Trăm – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐ-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996
Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt tại phiên tòa)
2/- Bị đơn: Huỳnh Thanh P, sinh năm 1995
Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 09/10/2025, bản tự khai ngày 09/10/2025 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Huỳnh Thanh P, quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian, trên cơ sở tự nguyện được gia đình hai bên chấp thuận tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 49, cấp ngày 16/11/2018. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống rất yên ổn, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm sống, tính tình không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đầu năm 2023 vợ chồng xô xát nhau. Chồng chị qua lại với người phụ nữ khác, chị không thể chấp nhận được nữa, càng không thể tiếp tục sống với nhau được nữa nên chị và anh P đã ly thân từ tháng 05/2023 đến nay. Nay, chị thấy cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh ông Huỳnh Thanh P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Tuấn K (nam), sinh ngày 16 tháng 11 năm 2018. Hiện con chung cháu Huỳnh Tuấn K đang sống cùng với anh P. Khi ly hôn chị nhường quyền nuôi con chung cho anh Huỳnh Thanh P. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Huỳnh Thanh P do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Thanh P. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có địa chỉ tại xã T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo quy định Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T. Đối với anh Huỳnh Thanh P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh P.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T: Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Huỳnh Thanh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận thể hiện tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49, cấp ngày 16/11/2018 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) cấp cho chị T và anh P. Tuy nhiên, quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm trầm trọng, thường xuyên cãi nhau không thể sống chung với nhau nên đã ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh P. Do quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P không còn tồn tại nên Hội đồng xét xử xác định Giấy chứng nhận kết hôn số: 49, cấp ngày 16/11/2018 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) cấp cho chị T và anh P không còn giá trị pháp lý.

[3.2] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Huỳnh Thanh P sống chung với nhau có 01 (một) con chung cháu tên là Huỳnh Tuấn K (nam), sinh ngày 16 tháng 11 năm 2018. Hiện cháu Huỳnh Tuấn K đang sống cùng với anh P. Do anh P không đến Tòa án để thu thập chứng cứ, lấy lời khai về yêu cầu nuôi con cũng như ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu K muốn sống với ai, chị T đồng ý để anh P tiếp tục nuôi cháu K. Do đó, nhằm ổn định chỗ ở và cuộc sống của cháu K nên Hội đồng xét xử giao cháu Huỳnh Tuấn K cho anh Huỳnh Thanh P được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chưa ghi nhận được ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chị Nguyễn Thị Thanh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do chị T không trực tiếp nuôi con chung nên anh P phải tạo điều kiện thuận lợi để chị T được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[3.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 49, cấp ngày 16/11/2018 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) cấp cho chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Huỳnh Thanh P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tuấn K (nam), sinh ngày 16 tháng 11 năm 2018 cho anh Huỳnh Thanh P tiếp tục nuôi con. Chị Nguyễn Thị Thanh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thị Thanh T không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp theo biên lai số 0004859 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ) thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Chị T đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Huỳnh Thanh P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Đông Phước, TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua